

CÂU NGHI VẤN

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Hiểu rõ đặc điểm hình thức của câu nghi vấn. Phân biệt câu nghi vấn với các kiểu câu khác.

– Nắm vững chức năng chính của câu nghi vấn : dùng để hỏi.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Đây là bài đầu tiên trong loạt bài về các kiểu câu đã được học ở Tiểu học. Những kiểu câu này thường được coi là kiểu câu phân loại theo mục đích phát ngôn. Tuy nhiên đó chỉ là một cách nói có tính chất ước định. Chỉ có *tên gọi* của các kiểu câu này (câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và câu trần thuật) là căn cứ vào chức năng chính của từng kiểu câu. Còn căn cứ (tiêu chí) để phân loại chúng không phải đơn giản chỉ dựa vào chức năng.

Trong tiếng Việt, cũng như nhiều ngôn ngữ khác trên thế giới, mỗi kiểu câu có một số đặc điểm hình thức nhất định. Những đặc điểm hình thức này thường gắn với một chức năng chính, chẳng hạn câu có hình thức câu nghi vấn có chức năng chính là dùng để hỏi. Tuy nhiên, ngoài chức năng đó, câu nghi vấn còn dùng để cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe dọa, bộc lộ tình cảm, cảm xúc,... Câu trần thuật cũng vậy. Nghĩa là một kiểu câu, ngoài chức năng chính, còn có thể có nhiều chức năng khác.

Ngược lại, có khi một mục đích phát ngôn lại được thực hiện bởi nhiều kiểu câu khác nhau. Chẳng hạn, để thực hiện mục đích cầu khiến (yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo,...) có thể dùng câu cầu khiến, mà cũng có thể dùng câu nghi vấn hay câu trần thuật.

Như vậy, mối quan hệ giữa đặc điểm hình thức và chức năng của câu là tương đối phức tạp, không phải là mối quan hệ một đối một. Nếu chỉ dựa vào chức năng thì có rất nhiều câu GV và HS không thể biết xếp vào kiểu câu nào. Đó là lí do không thể định nghĩa, chẳng hạn : câu nghi vấn là câu dùng để hỏi ; câu cảm thán là câu dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc,...

Từ thực tế đó, SGK trình bày các kiểu câu theo cách nêu kết hợp cả đặc điểm hình thức lẫn chức năng, trong đó đặc điểm hình thức là căn cứ đầu tiên để nhận diện các kiểu câu.

2. Trong những ngôn ngữ biến hình, đặc điểm hình thức để nhận diện các kiểu câu là hình thái của động từ, trật tự của các từ ngữ ở trong câu, ngữ điệu,... Trong tiếng Việt, đặc điểm hình thức để nhận diện các kiểu câu chủ yếu là một số từ ngữ chuyên dụng. Vai trò của ngữ điệu trong việc nhận diện kiểu câu rất mờ nhạt.

Do ảnh hưởng của các ngôn ngữ châu Âu, đôi khi trong các văn bản tiếng Việt xuất hiện kiểu câu nghi vấn như : "*Tôi có thể trở thành bác sĩ ?*". Kiểu câu nghi vấn này có hình thức của một câu trần thuật, chỉ khác ở dấu chấm hỏi cuối câu. Hiện tượng này thường chỉ xuất hiện trong ngôn ngữ viết, vì đối với người Việt, lối nói ấy có vẻ kiểu cách, thiếu tự nhiên. Nhà trường cần khuyến cáo HS là không nên viết những câu nghi vấn như vậy. Câu trên có thể viết lại là : "*Tôi có thể trở thành bác sĩ được không ?*". Trong nhiều ngôn ngữ châu Âu, tình hình hoàn toàn khác. Chẳng hạn trong tiếng Anh, câu : "*You understand ?*" với ngữ điệu đi lên ở cuối câu là một câu nghi vấn thực sự.

3. Thông thường trong các tài liệu nghiên cứu và SGK, câu trần thuật được trình bày đầu tiên, sau đó là câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán. Nhưng cuốn SGK này đưa câu nghi vấn lên đầu tiên vì trong tiếng Việt đây là kiểu câu được đánh dấu về hình thức rõ nhất, tiếp theo là câu cầu khiến và câu cảm thán. Cuối cùng là câu trần thuật, được hiểu là kiểu câu không có những đặc điểm hình thức như các câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán.

Xét một cách chặt chẽ thì có thể nói đến một (số) kiểu câu khác, chẳng hạn như câu gọi đáp, ví dụ : "**Anh này ! Ngày mai nhà mình có khách.**". Phải tách thành một kiểu riêng vì nó có đặc điểm hình thức riêng (hô ngữ, ứng ngữ,...) và

có chức năng riêng (dùng để gọi hay đáp lại lời gọi). Song, vì câu gọi đáp không thuộc vào những kiểu câu cơ bản, nên SGK không trình bày kiểu câu này thành một bài riêng.

4. Một số loại dấu câu đặt cuối những kiểu câu này được trình bày trong những bài riêng. Cần xác định rõ, dấu câu không hẳn gắn với kiểu câu mà chủ yếu gắn với mục đích phát ngôn. Chẳng hạn, câu nghi vấn thường kết thúc bằng dấu chấm hỏi, nhưng khi không dùng để hỏi thì trong một số trường hợp cá biệt, một số tác giả không dùng dấu chấm hỏi mà dùng dấu chấm, dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng. Câu cầu khiến thường kết thúc bằng dấu chấm than, nhưng khi ý cầu khiến không được nhấn mạnh thì có thể kết thúc bằng dấu chấm. Câu trần thuật thường kết thúc bằng dấu chấm, nhưng khi dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc,... thì có thể kết thúc bằng dấu chấm than.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Tìm hiểu đặc điểm hình thức và chức năng chính của câu nghi vấn.

SGK đề cập đến cả đặc điểm hình thức lẫn chức năng chính của câu nghi vấn.

Đặc điểm hình thức của câu nghi vấn tiếng Việt thể hiện tập trung ở những từ nghi vấn như *ai, gì, nào, (tại) sao, đâu, bao giờ, bao nhiêu, à, ư, hả, chứ, (có... không, đã... chưa*, hoặc từ *hay* nối các vế có quan hệ lựa chọn (có điều này thì không có điều kia, ít nhất là theo giả định của người hỏi) như : "*Anh đi Hà Nội hay Huế ?*" ; "*Chị mua cam hay quýt ?*". Chức năng chính của câu nghi vấn là dùng để hỏi nhằm yêu cầu người đối thoại trả lời.

1. Mở đầu bài học, GV hướng dẫn HS xác định câu nghi vấn trong đoạn đối thoại trích từ *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố.

Gồm các câu : "*Sáng ngày người ta đấm u có đau lắm không ?*" ; "*Thế làm sao u cứ khóc mãi mà không ăn khoai ?*" ; "*Hay là u thương chúng con đói quá ?*".

2. Hỏi : Đặc điểm hình thức nào cho biết đó là câu nghi vấn ?

Có thể có HS cho rằng đặc điểm hình thức của những câu nghi vấn trên thể hiện ở dấu chấm hỏi. Dĩ nhiên đó là một nhận xét xác đáng. Song cần dẫn dắt để HS thấy được trong những câu trên có những từ nghi vấn như *có... không, (làm) sao, hay (là)*.

3. Hỏi : Những câu nghi vấn trên dùng để làm gì ?

Trả lời : Để hỏi (bao gồm cả tự hỏi như câu trong *Truyện Kiều* : "*Người đâu gặp gỡ làm chi - Trăm năm biết có duyên gì hay không ?*")

4. Có thể củng cố, mở rộng hiểu biết của HS về đặc điểm hình thức của câu nghi vấn bằng cách yêu cầu các em tự đặt những câu nghi vấn.

GV hướng dẫn cho HS đặt câu. Chữa những câu mà các em đặt không đúng.

5. Hệ thống hoá kiến thức.

GV gọi một HS đọc to phần *Ghi nhớ*.

Hoạt động 2. Hướng dẫn làm bài tập.

Phần này giúp HS củng cố kiến thức và kĩ năng nhận diện chính xác câu nghi vấn, đặc biệt là bài tập 3. Bài tập này nhằm giúp các em :

a) Phân biệt từ nghi vấn và từ phiếm định như phân biệt *ai* trong "*Ai biết ?*" và *ai* trong "*Ai cũng biết.*"; *gì* trong "*Nó tìm gì ?*" và *gì* trong "*Nó không tìm gì cả.*"; *nào* trong "*Anh thích cuốn sách nào ?*" và *nào* trong "*Cuốn nào tôi cũng thích.*"; (*ở*) *đâu* trong "*Cá bán ở đâu ?*" và (*ở*) *đâu* trong "*Ở đâu cũng bán cá.*",...

b) Biết được có những câu có từ nghi vấn, nhưng không phải là câu nghi vấn, bởi vì từ nghi vấn thuộc về một kết cấu nghi vấn bị bao chứa trong một kết cấu khác. Đây là một nội dung quan trọng bổ sung cho phần *Ghi nhớ* về đặc điểm hình thức của câu nghi vấn. Tuy nhiên, GV không cần giải thích như vậy với HS, mà chỉ nêu một số ví dụ để HS có ý niệm về sự phân biệt này. Ngoài các câu (a), (b), (c), (d) ở bài tập 3, GV có thể đưa thêm những câu như : "*Tôi không biết nó ở đâu.*" (so sánh với "*Nó ở đâu ?*"); "*Chúng ta không thể nói tiếng ta đẹp như thế nào.*" (so sánh với "*Tiếng ta đẹp như thế nào ?*"),...

IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Bài tập 1. Xác định câu nghi vấn và đặc điểm hình thức của nó.

Có những câu nghi vấn sau :

a) "*Chị khát tiền sưu đến chiều mai **phải không ?***"

b) "***Tại sao** con người lại phải khiêm tốn như thế ?*"

c) "*Văn là **gì ?***"; "*Chương là **gì ?***"

d) "*Chú mình muốn cùng tớ đùa vui **không ?***"; "*Đùa trò **gì ?***"; "*Cái **gì** thế ?*"; "*Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta **ấy hả ?***"

Những từ in đậm và dấu chấm hỏi ở cuối câu (chỉ có trong ngôn ngữ viết) thể hiện đặc điểm hình thức của câu nghi vấn.

Bài tập 2. Căn cứ để xác định câu nghi vấn : có từ *hay*. Lưu ý từ *hay* cũng có thể xuất hiện trong các kiểu câu khác, nhưng riêng trong câu nghi vấn từ *hay* không thể thay thế bằng từ *hoặc* được. Nếu thay từ *hay* trong câu nghi vấn bằng từ *hoặc* thì câu trở nên sai ngữ pháp hoặc biến thành một câu khác thuộc kiểu câu trần thuật và có ý nghĩa khác hẳn.

Bài tập 3. Không, vì đó không phải là những câu nghi vấn.

Câu (a) và (b) có các từ nghi vấn như *có... không, tại sao*, nhưng những kết cấu chứa những từ này chỉ làm chức năng bổ ngữ trong một câu.

Trong câu (c), (d) thì *nào (cũng), ai (cũng)* là những từ phiếm định. Lưu ý thêm cho HS : trong tiếng Việt, tổ hợp *X cũng* như *ai cũng, gì cũng, nào cũng, sao cũng, đâu cũng, bao giờ cũng, bao nhiêu cũng...* bao giờ cũng có ý nghĩa khẳng định tuyệt đối (Ví dụ : "*Ai cũng thấy thế.*" có nghĩa là "Mọi người đều thấy thế") và X là một từ phiếm định, chứ không phải là nghi vấn.

Bài tập 4. Khác nhau về hình thức : *có... không ; đã... chưa*. Khác nhau về ý nghĩa : câu thứ hai có giả định là người được hỏi trước đó có vấn đề về sức khỏe, nếu điều giả định này không đúng thì câu hỏi trở nên vô lí, còn câu hỏi thứ nhất không hề có giả định đó. HS có thể thấy rõ sự khác nhau giữa hai kết cấu này qua việc phân tích tính chất đúng/sai của những câu như :

- *Cái áo này có cũ (lắm) không ?* (đúng)
- *Cái áo này đã cũ (lắm) chưa ?* (đúng)
- *Cái áo này có mới (lắm) không ?* (đúng)
- *Cái áo này đã mới (lắm) chưa ?* (sai)

Bài tập 5. Khác biệt về hình thức giữa hai câu thể hiện ở trật tự từ. Trong câu (a) *bao giờ* đứng đầu câu, còn trong câu (b) *bao giờ* đứng cuối câu. Khác biệt về ý nghĩa : câu (a) hỏi về thời điểm của một hành động sẽ diễn ra trong tương lai, câu (b) hỏi về thời điểm của một hành động đã diễn ra trong quá khứ.

Bài tập 6. Câu (a) đúng vì không biết bao nhiêu ki-lô-gam (đang phải hỏi) ta vẫn có thể cảm nhận được một vật nào đó nặng hay nhẹ (nhờ bưng, vác,...). Câu (b) thì không ổn (sai) vì chưa biết giá bao nhiêu (đang phải hỏi) thì không thể nói món hàng đắt hay rẻ.